

|H|A|C|K|E|R|S|

HACKERS TOEIC START READING



30 PHÚT TỰ HỌC TOEIC MỖI NGÀY

Phan Diệu dịch



Củng cố ngữ pháp và
từ vựng cơ bản cùng chiến
lược làm bài cho từng dạng



Cung cấp đáp án
kèm lời giải chi tiết



Hướng dẫn lộ trình
học hiệu quả trong
vòng 4 tuần

 alphabooks®
Knowledge is power

 gamma

 NHÀ XUẤT BẢN
DÂN TRÍ

 HACKERS

MỤC LỤC

Giới thiệu

Ưu điểm nổi trội	8
Cấu trúc của sách	10
Giới thiệu về bài thi TOEIC mới	14
Dạng thức câu hỏi theo từng phần	16
Kế hoạch học tập theo trình độ	22

Kiến thức cơ bản

Grammar		Reading	
Thành phần cơ bản trong câu	30	Paraphrase	34
Năm mẫu câu cơ bản	31		
Tám loại từ	32		
Cụm từ và mệnh đề	33		

Week 1	Grammar - Part 5, 6	Vocabulary Part 5, 6	Reading - Part 6
Ngày 1	[Thành phần câu] Chủ ngữ/Động từ 01. Vị trí của chủ ngữ 40 02. Vị trí của động từ 42	Cụm giới từ 44	 Câu hỏi yêu cầu chọn câu phù hợp 46
Ngày 2	[Thành phần câu] Tân ngữ/Bổ ngữ/Thành phần bổ nghĩa 01. Vị trí của tân ngữ 56 02. Vị trí của bổ ngữ 58 03. Vị trí của thành phần bổ nghĩa 60	Cụm tính từ 62	Reading - Part 7 Câu hỏi về chủ đề/mục đích của bài đọc 64
Ngày 3	[Từ loại] Danh từ 01. Vị trí của danh từ 74 02. Danh từ đếm được và danh từ không đếm được 76 03. Lượng từ đứng trước danh từ 78	Cụm động từ 80	Câu hỏi 5W1H 82
Ngày 4	[Từ loại] Đại từ 01. Đại từ nhân xưng 92 02. Đại từ chỉ định 94 03. Đại từ bất định 96 04. Sự đồng nhất giữa đại từ và danh từ 98	Cụm danh từ 100	Câu hỏi NOT/TRUE 102
Ngày 5	[Từ loại] Tính từ/Trạng từ 01. Vị trí của tính từ 112 02. Vị trí của trạng từ 114 03. Những tính từ và trạng từ dễ gây nhầm lẫn 116	Các cụm từ cố định 118	Câu hỏi suy luận 120

Week 2	Grammar - Part 5, 6	Vocabulary Part 5, 6	Reading - Part 6
Ngày 1	[Từ loại] Giới từ 01. Vị trí của giới từ 130 02. Giới từ chỉ thời gian 132 03. Giới từ chỉ nơi chốn 134 04. Giới từ chỉ phương hướng 136	Động từ (1) 138	Câu hỏi năm bất ý đồ  140
Ngày 2	[Từ loại] Liên từ 01. Liên từ kết hợp và liên từ tương quan 150 02. Liên từ phụ thuộc 152	Động từ (2) 154	Câu hỏi về vị trí câu văn 156
Ngày 3	[Từ loại] Động từ 01. Dạng thức của động từ 166 02. Nội động từ và ngoại động từ 168	Động từ (3) 170	Câu hỏi tìm từ đồng nghĩa 172
Ngày 4	[Động từ] Sự hòa hợp 01. Sự hòa hợp giữa chủ ngữ số ít và động từ số ít 182 02. Sự hòa hợp giữa chủ ngữ số nhiều và động từ số nhiều 184 03. Các trường hợp đặc biệt về sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ 186	Động từ (4) 188	Thư điện tử/Thư tay (Email/Letter) 190
Ngày 5	[Cụm động từ] Thì của động từ 01. Hiện tại/Quá khứ/Tương lai 200 02. Hiện tại tiếp diễn/Quá khứ tiếp diễn/Tương lai tiếp diễn 202 03. Hiện tại hoàn thành/Quá khứ hoàn thành/Tương lai hoàn thành 204	Động từ (5) 206	Biểu mẫu (Form) 208

Week 3	Grammar - Part 5, 6	Vocabulary - Part 5, 6	Reading - Part 6
Ngày 1	[Cụm động từ] Thể chủ động và thể bị động 216 01. Phân biệt thể chủ động và thể bị động 218 02. Các cụm từ ở thể bị động thường gặp 220	Danh từ (1) 222	Bài báo (Article & Review) 224
Ngày 2	[Động từ] Câu điều kiện 232 01. Câu điều kiện không có thật ở hiện tại 234 02. Câu điều kiện không có thật ở quá khứ 236 03. Câu điều kiện có thật ở hiện tại 238	Danh từ (2) 240	Chuỗi tin nhắn (Text Message Chain) 242
Ngày 3	[Các dạng thức của động từ] Động từ nguyên thể có "to" 250 01. Vị trí của động từ nguyên thể có "to" 252 02. Vai trò của động từ nguyên thể có "to" 254 03. Những động từ đi với động từ nguyên thể có "to" 256	Danh từ (3) 258	Quảng cáo (Advertisement) 260
Ngày 4	[Các dạng thức của động từ] Danh động từ 268 01. Vị trí và vai trò của danh động từ 270 02. Những động từ theo sau bởi một danh động từ 272 03. Những cụm từ cố định đi với danh động từ 274	Danh từ (4) 276	Thông báo/Văn bản hướng dẫn (Notice & Announcement/Information) 278
Ngày 5	[Các dạng thức của động từ] Phân từ 286 01. Vị trí và vai trò của phân từ 288 02. Cụm phân từ 290 03. Hiện tại phân từ và quá khứ phân từ 292	Tính từ (1) 294	Thông báo nội bộ (Memo) 296
Week 4	Grammar - Part 5, 6	Vocabulary - Part 5, 6	Reading - Part 6
Ngày 1	[Mệnh đề] Mệnh đề danh ngữ 304 01. Vị trí của mệnh đề danh ngữ 306 02. Liên từ của mệnh đề danh ngữ 308	Tính từ (2) 310	Dạng bài đọc gồm nhiều đoạn văn (Email/Letter) 312
Ngày 2	[Mệnh đề] Mệnh đề trạng ngữ 322 01. Vị trí của mệnh đề trạng ngữ 324 02. Liên từ của mệnh đề trạng ngữ 326	Tính từ (3) 328	Dạng bài đọc gồm nhiều đoạn văn (Form) 330
Ngày 3	[Mệnh đề] Mệnh đề tính ngữ 340 01. Vị trí của mệnh đề tính ngữ 342 02. Đại từ quan hệ 344	Trạng từ (1) 346	Dạng bài đọc gồm nhiều đoạn văn (Article) 348
Ngày 4	[Cấu trúc đặc biệt] Câu so sánh 358 01. So sánh hơn 360 02. So sánh nhất 362	Trạng từ (2) 364	Dạng bài đọc gồm nhiều đoạn văn (Advertisement) 366
Ngày 5	[Cấu trúc đặc biệt] Cấu trúc song song/Câu đảo ngữ 376 01. Cấu trúc song song 378 02. Câu đảo ngữ 380	Trạng từ (3) 382	Dạng bài đọc gồm nhiều đoạn văn (Notice) 384

CẤU TRÚC CỦA SÁCH

GRAMMAR

Grammar
Part 5, 6



[Thành phần câu]
Chủ ngữ / Động từ

Day 1 Week 1



Ngữ pháp cơ bản

Chủ ngữ là gì? Động từ là gì?

The octopus dances. (Bạch tuộc nhảy.)
chủ ngữ động từ



Trong câu The octopus dances, the octopus (bạch tuộc) là chủ thể thực hiện hành động dances (nhảy). Ta gọi những từ chỉ chủ thể của hành động là chủ ngữ. Dances đứng sau the octopus chỉ hành động của bạch tuộc. Những từ biểu thị hành động hay trạng thái của chủ ngữ như thế được gọi là động từ.

Chủ ngữ đứng ở vị trí nào trong câu?

Chủ ngữ thường đứng ở đầu câu.

Errors / occurred. Lỗi / đã xảy ra.
chủ ngữ chủ ngữ

Check Up

Đầu là chủ ngữ trong câu dưới đây?

The CEO resigned. Vì CEO đã từ chức.

A B

→ Chủ ngữ thường đứng đầu câu.

[Đáp án: A]

Ngữ pháp cơ bản

Đây là phần ôn tập kiến thức ngữ pháp cơ bản. Người học sẽ được củng cố kiến thức trước khi bắt đầu đi vào các cấu trúc ngữ pháp thường gặp trong bài thi TOEIC.

Grammar
Part 5, 6



01 VỊ TRÍ CỦA CHỦ NGỮ

Day 1 Week 1



Tôi thích táo, vì vậy việc tôi ăn chúng mỗi ngày.

(I like apples, so I eat them every day.)

Từ like (thích) đóng vai trò động từ trong câu còn danh động từ eating (việc ăn) thì không. Trong tiếng Anh, một câu đơn hoàn chỉnh phải luôn có một chủ ngữ và một động từ giới hạn (là động từ được chia tương ứng với chủ ngữ).

Câu đúng là: I like apples, so I eat them every day.

Overview

Phần đầu bài học đưa ra ví dụ và giải thích một cách đơn giản, dễ hiểu các nội dung ngữ pháp trọng điểm trong bài.

Practice

Chọn từ đúng trong ngoặc để hoàn thành các câu sau.

- 01 These positions (require, requirement) extensive experience.
- 02 All employees (to organize, should organize) their own weekly schedules.
- 03 Mr. Lee (purchased, purchasing) new office furniture.
- 04 Dialogue (helpful, can help) people to resolve problems.

Practice

Người học sẽ luyện tập các kiến thức vừa học ở phần Point bằng cách trả lời những câu hỏi đơn giản trước khi đi vào giải quyết các câu hỏi thực tế.



Những từ loại có thể đóng vai trò động từ

Động từ và trợ động từ + động từ có thể đứng ở vị trí động từ.

Động từ They / create / new designs. Họ / tạo ra / những thiết kế mới.
chủ ngữ động từ

Trợ động từ + động từ Jane / will explain / the process. Jane / sẽ giải thích / về quy trình.
chủ ngữ động từ

Hackers Point

Các chủ điểm ngữ pháp xuất hiện trong đề thi TOEIC sẽ được giải thích chi tiết kèm ví dụ minh họa trong phần này.

Actual Questions

Chọn đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống.

- 05 The conference ----- with a speech by the company's president.
- 06 The members of the personnel department ----- every applicant's file.

(A) will conclude (B) conclusion
(C) concluding (D) to conclude

(A) to review (B) reviewing
(C) reviewed (D) reviewer

Actual Questions

Người học sẽ áp dụng những kiến thức đã học để kiểm tra khả năng tiếp thu và luyện tập thông qua các dạng câu hỏi thường xuất hiện trong bài thi thực tế.

VOCABULARY

Vocabulary
Part 5, 6

CỤM GIỚI TỪ

Day 1 Week 1

Lá bùa của thầy bói

Qua một chương trình radio mà tôi **lưu ý** đến nghe, tôi được biết chương trình sẽ **tặng** về xem hòa nhạc **miễn phí** cho thính giả nào có câu chuyện được chọn. Vì vậy, tôi đã viết một câu chuyện thật **chi tiết** và gửi đi, nhưng chờ mãi vẫn không thấy dấu hiệu nào cho thấy người ta sẽ chọn bài viết đó.

Mang tâm trạng đầy thấp thỏm, tôi tìm đến một thầy bói có tiếng để hỏi xem liệu câu chuyện của mình có được chọn không. Thấy cho biết theo quái bói thì tôi rất có **nhật** thành nhưng do có một bóng đen đầy đặc cản trở nên bài viết sẽ không được chọn.



Ông thấy bói tay viết ra giấy những việc mà tôi cần phải làm và đưa nó cho tôi kèm một lá bùa. Thấy nói rằng theo **nhu kế hoạch**, chỉ cần tôi đưa tiền cùng thì thầy sẽ tìm cách **nhốt** bóng đen kia lại và tôi sẽ có thể **trùng** về xem hòa nhạc.

Cảm thấy vô cùng biết ơn, tôi **bản** để nghĩ sẽ giúp thầy tìm khách hàng bất cứ khi nào thấy **tiện**. Nhưng ông đã từ chối và nói rằng việc đó **trái** với đức tin của bản thân.

Tôi **thăm** nghĩ, trong một thế giới đầy rẫy sự giả dối mà vẫn còn một vị thầy bói chính trực như vậy thì quả thật cuộc sống vẫn tốt đẹp **đầy** chứ... Thế nhưng cuối cùng thì câu chuyện của tôi vẫn không được chọn.

Từ vựng trọng tâm

- **at all times** luôn luôn, liên tục, lúc nào cũng
Employees should wear their uniforms at all times.
Nhân viên lúc nào cũng nên mặc đồng phục của họ.
- **at no cost** miễn phí
Software is provided at no cost.
Phần mềm được cung cấp miễn phí.
- **in detail** một cách chi tiết, kỹ lưỡng, tỉ mỉ
The team discussed the problem in detail.
Cả nhóm đã thảo luận về vấn đề một cách kỹ lưỡng.
- **as a result of** bởi vì, do
Expenses have increased as a result of high marketing costs.
Chi tiêu tăng lên do chi phí marketing cao.
- **on schedule** theo kế hoạch, đúng tiến độ
The secretary completed the work on schedule.
Văn thư ký đã hoàn thành công việc đúng tiến độ.
- **upon request** theo yêu cầu
More information is available upon request.
Thông tin sẽ được cung cấp thêm theo yêu cầu.
- **in effect** có hiệu lực, đang được thi hành
A ban on overnight parking is now in effect.
Luật cấm đỗ xe qua đêm hiện đã có hiệu lực.
- **aside from** ngoại trừ
Mr. Raul only took one break aside from lunch.
Ngoại trừ giờ ăn trưa thì bà Raul chỉ nghỉ giải lao duy nhất một lần.
- **in advance** trước
Mr. Jones reserved his hotel room in advance.
Ông Jones đã đặt trước phòng khách sạn.
- **at the latest** muộn nhất là
The invoice must be paid by June 1 at the latest.
Hóa đơn phải được thanh toán muộn nhất vào ngày 01 tháng 06.

Practice

Chọn từ đúng trong ngoặc để hoàn thành các câu sau.

- The labor strike has been (in, on, of) effect for two days.
- Please describe the problem (as, in, upon) detail.
- All staff must carry their ID cards (by, at, with) all times.
- Aside (from, for, of) a minor error on the first page, the report is ready for publication.

Practice

Người học sẽ vận dụng những từ vựng vừa học để trả lời các câu hỏi đơn giản trước khi trả lời các câu hỏi.

Actual Questions

Chọn đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống.

- Despite the bad weather, the plane landed on -----.
(A) appointment (B) schedule (C) condition (D) request
- The candidate did not get the job as a ----- of his inexperience.
(A) charge (B) result (C) feedback (D) point

Questions 07-09 refer to the following advertisement.

The Shine Beach Hotel is the place to stay if you plan to take a vacation in the sunny Bahamas! We offer a continental breakfast to all our guests at no -----, Laundry, dry cleaning, and airport pickup are provided upon -----, Please consult our Web site for a full list of the services we offer in addition to information on room vacancies and prices. -----, To make a booking, please fill out our online reservation form or call 555-3409.

- (A) delay (B) cost (C) regard (D) allowance
- (A) respect (B) removal (C) request (D) requirement
- (A) The grand opening will be announced soon.
(B) We've recently unveiled an expansion plan.
(C) It also lists weekly special rates.
(D) The hotel sector is experiencing strong growth.

Actual Questions

Người học sẽ áp dụng những từ vựng vừa học được để kiểm tra trình độ của bản thân thông qua các dạng câu hỏi thường xuất hiện trong bài thi thực tế.

Học từ vựng qua bài đọc

Người học sẽ được bổ sung từ vựng cần thiết cho bài thi TOEIC thông qua mẫu truyện hài hước và thú vị.

Từ vựng trọng tâm

Phần tổng kết từ vựng đã xuất hiện trong bài đọc đi kèm ví dụ minh họa ví dụ có hình thức gần với các câu trong đề TOEIC giúp người học nhanh chóng nhớ được từ vựng và mẫu câu.

CẤU TRÚC CỦA SÁCH

READING

Reading
Part 6



CÂU HỎI YẾU CẦU CHỌN CÂU PHÙ HỢP



Day 1 Week 1

Đây là dạng câu hỏi yêu cầu thí sinh chọn câu phù hợp để điền vào chỗ trống trong bài đọc.

Giới thiệu sơ lược về dạng câu hỏi

Dạng câu hỏi yêu cầu chọn câu phù hợp chỉ xuất hiện trong Part 6, thí sinh được yêu cầu chọn đáp án đúng trong 4 phương án đưa ra để điền vào chỗ trống. Đáp án được chọn phải phù hợp về ngữ pháp và đảm bảo mạch văn được liên kết một cách tự nhiên. Nội dung và các từ vựng có trong câu hỏi cũng có thể sẽ xuất hiện trong các phương án đáp án, vì vậy bạn cần lưu ý không nên vội vàng khi chọn đáp án.

Câu hỏi ví dụ

Người nhận: Toàn bộ nhân viên công ty

Bắt đầu từ ngày 1 tháng Sáu, dự kiến bữa sáng sẽ được cung cấp tại căng tin trong công ty. Thực đơn bao gồm bánh mì nướng và bánh mì kẹp thịt. (1) Đây là dịch vụ dành cho những nhân viên muốn ăn sáng đơn giản.

1. (A) Nhiều loại hoa quả tươi cũng sẽ được chuẩn bị. (O)
- (B) Việc tu sửa căng tin công ty dự kiến sẽ được hoàn thành vào tuần sau. (X)
- (C) Mọi người lưu ý rằng ngày Chủ nhật đầu tiên của mỗi tháng là ngày nghỉ. (X)
- (D) Chúng tôi sẽ cung cấp hai menu thay đổi hàng tuần. (X)

Chiến thuật làm bài

- Step 1 Đọc các câu xung quanh chỗ trống và dự đoán nội dung cần điền.
Đầu tiên, hãy đọc những câu văn liền trước hoặc sau chỗ trống. Sau đó dự đoán nội dung có thể điền vào vị trí đó. Ví dụ, nếu sau chỗ trống có câu *After this deadline, no submission will be accepted*, ta có thể đoán được nội dung ở chỗ trống sẽ liên quan tới thời hạn deadline.
- Step 2 Chọn đáp án phù hợp nhất dựa vào nội dung đã dự đoán.
Xem xét kỹ và lựa chọn đáp án tương ứng với nội dung đã dự đoán.
- Step 3 Kiểm tra xem mạch văn sau khi điền đáp án đã chọn vào chỗ trống có tự nhiên không.

Các dạng câu hỏi thường gặp và chiến lược làm bài

Phần này đưa ra những dạng câu hỏi thường gặp trong đề thi và cung cấp chiến lược hiệu quả để giải quyết dạng câu hỏi đó.

Áp dụng chiến lược

Câu hỏi 1 liên quan đến đoạn quảng cáo dưới đây.

Dollar Friend, chuỗi cửa hàng trên toàn quốc chuyên bán các sản phẩm gia dụng tiện lợi giá rẻ, đang tìm kiếm các chủ hàng nhượng quyền. Nếu bạn sở hữu tinh thần của một doanh nhân cùng kinh nghiệm quản lý thì có thể đây là cơ hội mà bạn vẫn luôn chờ đợi. Và bạn sẽ không phải tự thân vận động. Chúng tôi cung cấp các khóa đào tạo liên tục và hỗ trợ nguồn lực cho mọi hoạt động kinh doanh. Dollar Friend luôn tận tâm với việc đảm bảo cho tất cả các chủ hàng nhượng quyền của họ đều sẽ thành công.

Question 1 refers to the following advertisement.

Dollar Friend, a nationwide chain of stores selling practical household items at low prices, is looking for franchise stores. If you possess an entrepreneurial spirit and management experience, this may be the opportunity you've been waiting for. And you won't be on your own. We provide ongoing training and resources to all operations. Dollar Friend is dedicated to ensuring that all of its franchisees succeed.

1. (A) Franchise owners are supported every step of the way.
- (B) All investors must possess the necessary start-up capital.
- (C) A degree in management is required to become a member.
- (D) Dollar Friend plans to expand to the international market this year.

Step 1
Dự đoán nội dung cần điền vào chỗ trống

Step 3
Kiểm tra xem mạch văn có liên kết không

Step 2
Chọn phương án phù hợp nhất

Giải thích Step 1 Vì các phương án cho trước chỉ được đưa ra dưới dạng các câu văn mà không có câu hỏi nào khác nên ta có thể xác định được đây là dạng bài chọn câu phù hợp.

Dựa vào câu dung trước chỗ trống "And you won't be on your own" (và các bạn sẽ không phải tự thân vận động) và câu sau chỗ trống "Providing ongoing training and resources to all operations" (Bằng việc cung cấp các khóa đào tạo liên tục và hỗ trợ nguồn lực cho mọi hoạt động kinh doanh), ta có thể dự đoán nội dung câu ở vị trí chỗ trống sẽ liên quan đến việc hỗ trợ cho các chủ cửa hàng nhượng quyền.

Step 2 Xem xét các phương án và tìm chọn câu phù hợp với chỗ trống. Từ thông tin

Áp dụng chiến lược

Người học sẽ được làm quen với các bài đọc và câu hỏi sẽ xuất hiện trong bài thi TOEIC thực tế. Ngoài phần dịch nghĩa tiếng Việt, bạn sẽ được thực hành cách áp dụng chiến lược làm bài theo từng bước.

Reading
Part 7



Day 2 Week 1

Paraphrasing
Practice

Chọn đáp án thích hợp để tạo thành câu văn có ý nghĩa gần nhất với câu đã cho.

- 01 The manager has asked me to set up the workshop.
= The manager requested me to
(A) settle

05 Conference fees are due when you register.

- (A) The registration fee must be paid before the start of the conference.

Paraphrasing Practice

Người học phải tìm từ hoặc câu có nghĩa gần nhất với câu cho sẵn, qua đó rèn luyện kỹ năng paraphrase – một kỹ năng quan trọng trong phần đọc hiểu.

Practice

Question 01 refers to the following advertisement.

Devlin Realty has a conveniently-located office suitable for five people on the second floor of Merrimack Tower. It comes furnished with a telephone connection as well as high-speed Internet and includes access to the building's facilities. (1) Contact Chris Albini at 555-2091 to learn more.

Practice

Bạn cần áp dụng các nội dung vừa học trước đó để trả lời những câu hỏi đơn giản trước khi đi vào giải quyết các câu hỏi gần giống với bài thi thực tế.

Actual
Questions

Questions 05-08 refer to the following announcement.

Air pollution threatens both public health and the environment. However, the air in the city of Havertford is clean and fresh. Our strict emissions regulations have contributed a lot to this over the last 20 years. The (2) of these laws was the first step we took toward environmental health. We took on this plan in (3) of other municipalities in (4).

Actual Questions

Bạn cần áp dụng các chiến lược làm bài để kiểm tra trình độ của bản thân thông qua việc trả lời câu hỏi bám sát bài thi thực tế.

DỊCH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

Grammar

Part 5, 6

[Thành phần câu] Tân ngữ
Bổ ngữ/Thành phần bổ nghĩa

Day 2 Week 1

01 Vị trí của chủ ngữ

tr. 55

- 01 He / reported / the **problem** / to the **administrator**. Anh ấy / đã báo cáo / vấn đề / với người quản lý.
 02 We / signed / an **agreement** / with a **foreign company**. Chúng tôi / đã ký / thỏa thuận / với một công ty nước ngoài.
 03 Many young **consumers** / prefer / to **shop online**. Rất nhiều người tiêu dùng trẻ / thích / mua sắm trực tuyến hơn.
 04 The labor union / demanded / the **resignation** / of the **president**. Công đoàn / đã yêu cầu / ngài chủ tịch / từ chức.
 05 Mr. Kato / considered / **launching** a **campaign** / to **promote** the new product.
 06 Playway Service / guarantees **delivery** / within **three days**.

Playway Service / đảm bảo / giao hàng / trong vòng ba ngày

- 07 The event organizer / will arrange / the **reception** / according to the **host's** requests.
 Người tổ chức sự kiện / sẽ sắp xếp buổi đón tiếp / theo yêu cầu của người chủ trì.

Dạng câu hỏi liên quan đến vị trí của tân ngữ
 Vị trí tân ngữ sau động từ will arrange được để trống. Trong số các phương án đưa ra, từ có thể đứng ở vị trí tân ngữ là danh từ (B) reception (sự đón tiếp). Động từ (A) received (nhận), từ (C) receptive (sẵn sàng tiếp nhận) và (D) receptivity (sự tiếp nhận) đều không thể đứng làm tân ngữ.

- 08 Some employees / have / the **benefit** / of working / from home.
 Một số nhân viên / có / quyền lợi / được làm việc tại nhà.

Dạng câu hỏi liên quan đến vị trí của tân ngữ
 Vị trí tân ngữ sau động từ have được để trống. Trong số các phương án đưa ra, từ có thể đứng ở vị trí tân ngữ là danh từ (D) benefit (quyền lợi). Động từ (A) benefited, trạng từ (B) beneficially (tích cực) và tính từ (C) beneficial (có lợi) đều không thể đứng làm tân ngữ.

- 09 The proper **utilization** / of equipment / can prevent / workers / from being injured.
 Sử dụng đúng cách / các thiết bị / có thể ngăn ngừa / công nhân bị thương.

Giải thích

Cuốn sách cung cấp phần giải thích cụ thể và dễ hiểu cách giải quyết từng dạng câu hỏi.

Reading

Part 6



Câu hỏi về chủ đề/mục đích của bài đọc

Day 2 Week 1

tr. 64

- 01 The manager / has asked / me / to **set up** / the workshop.
 Quản lý / yêu cầu / tôi / chuẩn bị / cho hội thảo.
 = The manager / requested / me / to **organize** / the event.
 Quản lý / yêu cầu / tôi / tổ chức / sự kiện này.

Tổ organize (tổ chức) có nghĩa tương tự với cụm từ set up (chuẩn bị) nên (B) là đáp án đúng.

- 02 The delivery charges / to our customers / should be kept / to a **minimum**.
 Phí giao hàng / cho khách hàng của chúng ta / nên được duy trì / ở mức tối thiểu.
 = Delivery costs / should be / as **low as possible** / for our customers.
 Phí giao hàng / nên ở / mức thấp nhất có thể / cho các khách hàng của chúng ta.

Tối low (thấp) có nghĩa tương tự với cụm từ keep to a minimum (duy trì ở mức tối thiểu) nên (A) là đáp án đúng.

Phân tích thành phần ngữ pháp

Phân tích và diễn giải sát nghĩa từng thành phần ngữ pháp trong câu, giúp người học có thể hiểu chính xác cấu trúc của câu.

Phân tích câu

Khung bên phải đưa ra phần dịch nghĩa có văn phong dễ hiểu và thuần Việt hơn. Những nội dung tương ứng với đáp án đúng được đánh dấu bằng màu xám.

Vocabulary

Part 5, 6



Cụm tính từ

Day 2 Week 1

- 01 Sales representatives / are **responsive** / to buyers' requests. Nhân viên kinh doanh / đáp lại / yêu cầu của người mua.
 02 The staff / should be **aware** / of the policy changes. Các nhân viên / nên biết / những thay đổi về chính sách.
 03 The marketing team / is **responsible** / for advertising products. Nhóm marketing / chịu trách nhiệm về / việc quảng cáo sản phẩm.
 04 Mergers / can be **adversageous** / to stockholders. Những thương vụ sáp nhập / có thể có lợi / cho các cổ đông.

- 05 Mr. Stevens / was very **concerned** / about / attending / the annual conference / alone.
 Ông Stevens / đã rất lo lắng về / việc phải tham dự / hội nghị thường niên / một mình.

Đáp án (B) concerned kết hợp với was... about ở trước và sau chủ ngữ tạo thành cụm từ có nghĩa là "lo lắng về" phù hợp với mạch văn "lo lắng về việc phải tham dự buổi hội nghị thường niên một mình". Các đáp án (A) recognized (công nhận), (C) allowed (cho phép) và (D) acquainted (quen biết) đều không phù hợp với mạch văn của câu.

- 06 BNH Inc. / is located at / 55 Glenn Road / in the CT Building.
 Tập đoàn BNH / tọa lạc tại / số 55 đường Glenn / trong tòa nhà CT.

Đáp án (B) located kết hợp với is... at ở trước và sau chủ ngữ tạo thành cụm từ có nghĩa là "tọa lạc tại", phù hợp với mạch văn "Tập đoàn BNH... tại... CT Building". Các đáp án (A) motivated (thúc đẩy), (C) dedicated (dành riêng) và (D) agitated (kích động) đều không phù hợp với mạch văn của câu.

- 17 Questions 07-09 refer to the following announcement.
 09 We are certain / that if every employee / is **dedicated** to / satisfying customers' needs, / Fan Clothing / will develop a fine reputation.
 Chúng tôi tin rằng / nếu mỗi nhân viên / đều tận tâm toàn ý / đáp ứng nhu cầu của khách hàng / Fan Clothing / sẽ tạo dựng được danh tiếng tốt.
 To motivate staff members / to improve customer service even more, / each employee /
 Nhằm tạo động lực cho nhân viên / cải thiện dịch vụ chăm sóc khách hàng hơn nữa /

Câu hỏi từ 07-09 đề cập đến thông báo sau.
 Chúng tôi tin rằng nếu mỗi nhân viên đều tận tâm toàn ý đáp ứng nhu cầu của khách hàng, Fan Clothing sẽ tạo dựng được một danh tiếng tốt. Nhằm tạo động lực cho nhân viên cả

Đáp án đúng và mạnh mẽ

Đáp án đúng sẽ được in màu xám, ngoài ra còn có phần chú thích những manh mối giúp xác định đáp án đúng.

Đáp án đúng và mạnh mẽ

Từ khóa để tìm ra đáp án đúng được khoanh tròn kèm theo chú thích, những nội dung là manh mối cho đáp án sẽ được in màu xám để người học dễ nhận biết.

- 09 Question 09 refers to the following text message chain.
 Aaron Owen 5:04 P.M.
 Should I do an inventory count / of the new books / when I come in /
 Tôi có nên kiểm kê / hàng tồn kho / của những cuốn sách mới / khi đi làm về không?
 Jeff Clayton 5:05 P.M.
 Don't worry about that. I already did it. I need a hand / moving them /
 Đừng lo về đó. Tôi đã làm rồi. Tôi cần giúp một tay / để chuyển chúng vào kho lưu trữ /
 Aaron Owen 5:08 P.M.
 Oh, OK. / I'll come to work / 20 minutes early, / and we'll get it done /
 Ồ, vâng thôi. Tôi sẽ đi sớm hơn 20 phút / và sau đó chúng tôi sẽ làm xong việc đó /
 Why did Mr. Clayton ask Mr. Owen for help?
 Tại sao Clayton lại yêu cầu Owen?
 (A) To make a list of merchandise /
 (B) To relocate some items /
 (C) To put some products on display /

Tại sao Clayton lại yêu cầu Owen?
 (A) Để làm một danh sách hàng
 (B) Để di chuyển một số mặt hàng
 (C) Để trưng bày vài sản phẩm.

Giải thích

Đây là phần giải thích chi tiết về phương pháp làm bài, bao gồm các bước xác định dạng câu hỏi, từ khóa trong câu hỏi và những phần đã được paraphrase giúp liên kết nội dung bài đọc để tìm ra đáp án chính xác.

DẠNG THỨC CÂU HỎI THEO TỪNG PHẦN

Part 5 HOÀN THÀNH CÂU

Part 5 yêu cầu thí sinh lựa chọn đáp án đúng trong 4 phương án đưa ra để điền vào chỗ trống trong câu sao cho phù hợp về ngữ nghĩa hoặc ngữ pháp. Part 5 có tất cả 30 câu hỏi (từ câu 101 đến 130), trong đó có khoảng 20 câu về ngữ pháp và 10 câu về từ vựng.

1. Câu hỏi về ngữ pháp

Trong đề sẽ xuất hiện dạng câu hỏi về cấu trúc câu và các kiến thức khác liên quan đến ngữ pháp tiếng Anh.

101. The _____ made by researchers in recent years have doctors hopeful that a cure for the illness may soon be found.

- (A) advance
- (B) advances
- (C) advanced
- (D) advancing

Giải thích 101. Câu hỏi liên quan đến vị trí của chủ ngữ

Vì từ cần điền đứng sau mạo từ xác định **The** và đóng vai trò chủ ngữ trong câu nên các danh từ ở đáp án (A) và (B) cũng như danh động từ ở đáp án (D) đều có thể điền được vào chỗ trống. Tuy nhiên, do động từ **have** được chia ở dạng số nhiều nên (B) advances (các tiến bộ) là đáp án đúng.

2. Câu hỏi về từ vựng

Đây là dạng câu hỏi yêu cầu thí sinh lựa chọn từ vựng phù hợp với nghĩa của cả câu hoặc từ vựng có thể kết hợp với những từ quanh chỗ trống để tạo thành một cụm từ.

102. Mid-Atlantic Airways reserves the _____ to cancel a booking if payment is not received on time.

- (A) sapce
- (B) flight
- (C) order
- (D) right

Giải thích 102. Ngữ cảnh của câu văn này là “Nếu không thanh toán tiền đúng hạn thì hãng hàng không Mid-Atlantic sẽ có ____ huỷ đặt chỗ”. Do đó, (D) right (quyền lợi, quyền hạn) là đáp án đúng. Ngoài ra, cụm từ **reserve the right** cũng có nghĩa là “có quyền làm gì đó”.

Part 6 HOÀN THÀNH ĐOẠN VĂN

Part 6 yêu cầu thí sinh lựa chọn đáp án đúng trong 4 phương án đưa ra để điền vào một trong 4 chỗ trống sao cho phù hợp về ngữ nghĩa hoặc ngữ pháp. Part 6 gồm có bốn đoạn văn với 16 câu hỏi (từ câu 131 đến 146), trong đó có cả dạng câu hỏi yêu cầu chọn câu hoặc từ vựng phù hợp để điền vào chỗ trống.

Questions 131-134 refer to the following e-mail.

From: Nancy Hale <nhatle@gearstore.com>

To: All store managers

The purpose of this e-mail is to clarify our store's refund policy. While some of our products include a money-back guarantee, it cannot be extended past 60 days. Doing so ¹³¹ losses and affects our financial situation. This is why the store managers ¹³² to enforce this refund policy more strictly from now on. After the 60-day period, customers who wish to return ¹³³ or faulty merchandise should reach out to the manufacturer directly. ¹³⁴. If you have any questions or concerns, feel free to reply to me through this e-mail address.

Từ vựng

- 131 (A) inquires (B) integrates
(C) incurs (D) infringes

Ngữ pháp

- 132 (A) needs (B) need
(C) is needed (D) has needed

Từ vựng

- 133 (A) affective (B) objective
(C) positive (D) defective

Chọn câu văn

- 134 (A) Provide the necessary contact information upon request.

Mối

- (B) Some merchandise is guaranteed for only 30 days.
(C) Managers will reduce the prices of some services.
(D) These products will be on sale for two months.

Giải thích

131. Nghĩa của câu có chứa chỗ trống là “Làm vậy sẽ ____ tổn thất và ảnh hưởng tới tình hình tài chính của chúng ta”. Vậy, từ phù hợp nhất để điền vào chỗ trống sẽ là (C) incurs (gây ra).
132. Câu hỏi về sự đồng nhất giữa chủ ngữ số nhiều và động từ chia ở dạng số nhiều. Chủ ngữ **the store managers** (các quản lý của cửa hàng) là danh từ số nhiều nên động từ cũng phải được chia ở dạng số nhiều. Do đó, (B) need là đáp án đúng. Các phương án (A) needs, (C) is needed và (D) has needed đều là động từ chia ở dạng số ít.
133. Nghĩa của câu có chứa chỗ trống là “Những khách hàng muốn đổi trả các sản phẩm ____ hoặc hỏng hóc phải liên hệ trực tiếp với nhà sản xuất”. Do đó, từ phù hợp để điền vào chỗ trống sẽ là (D) defective (bị lỗi).
134. Đây là dạng câu hỏi yêu cầu chọn câu phù hợp để điền vào chỗ trống, ta cần xác định ngữ cảnh ở quanh khu vực có chứa chỗ trống. Câu văn trước đó **customers who wish to return ~ faulty merchandise should reach out to the manufacturer directly** cho biết khách hàng muốn đổi trả những sản phẩm bị lỗi hoặc hỏng hóc sẽ phải trực tiếp liên lạc tới công ty sản xuất. Qua đó, ta có thể xác định được rằng nội dung để cập tới việc hãy cung cấp thông tin liên lạc cần thiết theo yêu cầu là phù hợp với mạch văn của câu. Vì vậy, đáp án đúng là (A) Provide the necessary contact information upon request.

DẠNG THỨC CÂU HỎI THEO TỪNG PHẦN

Part 7 ĐỌC ĐOẠN VĂN VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI

Part 7 đã xuất hiện dạng bài đọc gồm nhiều đoạn văn. Đây là phần thi yêu cầu thí sinh lựa chọn đáp án phù hợp nhất trong số 4 phương án đưa ra để trả lời những câu hỏi có liên quan tới đoạn văn cho trước. Dạng bài đọc một đoạn văn bao gồm các câu hỏi từ 147 đến 175, dạng bài đọc hai đoạn văn gồm các câu từ 176 đến 185 và ba đoạn văn bao gồm các câu hỏi từ 186 đến 200.

1. Bài đọc một đoạn văn (Single Passage)

Dạng bài đọc một đoạn văn xuất hiện dưới nhiều hình thức như: thư tay, quảng cáo, bài báo, thông báo, chuỗi tin nhắn điện thoại; mỗi bài sẽ bao gồm 2-4 câu hỏi.

Questions 153-154 refer to the following letter

Dear Mr. Hart,

I am writing to you in regard to the mountain bicycle (Model S031) you ordered on July 10. Since the item is out of stock, we are currently unable to fill this order. We have contacted the suppliers, and they have informed us that the initial supply of the model is sold out, and we are unlikely to receive further stock for at least four weeks. We placed this item on backorder and are working with the suppliers to obtain new stock as soon as possible

153 What is the purpose of the letter?

- (A) To cancel a previous request
- (B) To inquire about an item's availability
- (C) To explain the status of an order
- (D) To obtain information about a product

Giải thích

153. Câu hỏi tìm chủ đề/mục đích

Đây là câu hỏi về mục đích của bức thư, ta cần đọc kỹ phần đầu đoạn văn. Câu đầu tiên của bức thư cho biết người viết muốn đề cập tới chiếc xe đạp leo núi được đặt hàng vào ngày 10 tháng Bảy, sau đó người này giải thích rằng do sản phẩm được đặt đã cháy hàng nên họ không thể xử lý đơn hàng đó. Từ đây, ta có thể xác định lá thư này được viết nhằm giải thích về tình hình xử lý đơn hàng. Đáp án (C) To explain the status of an order (để giải thích tình trạng của đơn hàng) sẽ là câu trả lời đúng.

2. Bài đọc hai đoạn văn (Double Passage)

Đề thi sẽ có hai bài đọc dạng hai đoạn văn với tổng cộng 10 câu hỏi. Các đoạn văn được đưa ra dưới hình thức bức thư, thông báo, quảng cáo, bài báo,... có nội dung liên quan với nhau. Trong 5 câu hỏi, sẽ có 1-2 câu đòi hỏi thí sinh phải liên kết thông tin trong hai đoạn để tìm manh mối lựa chọn đáp án đúng.

Questions 181-185 refer to the following e-mail and information.

From: Tom Lee <tomlee@kmnsystem.com>

To: Kevin Clark <kclark@directcar.com>

Subject: DirectCar Warranty

Date: November 9

Dear Mr. Clark,

I purchased a DirectCar warranty two years ago when I bought my car. Last week, when the vehicle broke down on the road, I called for roadside assistance and my car was towed to the nearest service center. I paid \$850 for this repair out of my own pocket, but according to the provisions of my warranty contract, the amount paid for this repair can be covered. Therefore, I ask that you reimburse the costs listed below:

Towing service: \$80 / Flat tire service: \$600 / Car rental (1 day): \$140 / Battery boost: \$30

DirectCar Warranty

Our extended warranties include mechanical breakdowns, as well as wear-and-tear damage. Claims are paid directly to the repair facility with our corporate credit card. There is no limit on the number of claims you may have. Also, all of our warranties include free roadside assistance. This covers: towing costs (up to \$100), lost key/lockout service, flat tire service, car rental (up to 5 days per claim)

181 What expense reported by Mr. Lee will NOT be reimbursed?

- (A) The towing service payment
- (B) The battery boost charge
- (C) The cost of the rental car
- (D) The flat tire replacement fee

Giải thích

181. Câu hỏi NOT/TRUE

Đây là câu hỏi về khoản chi phí mà ông Lee sẽ không được hoàn trả, trước tiên ta cần xác định nội dung email mà ông Lee đã gửi. Trong email, ông Lee yêu cầu được hoàn trả toàn bộ các chi phí (Towing service: \$80 / Flat tire service: \$600 / Car rental (1 day): \$140 / Battery boost: \$30). Nhưng vì đây là câu hỏi về khoản phí mà ông ấy sẽ không được hoàn lại nên ta cần xem trong đoạn văn thứ hai để xác định mục nào có thể được bồi hoàn. Đoạn thứ hai cho biết những khoản chi phí như **towing costs (up to \$100), lost key/lockout service, flat tire service, car rental (up to 5 days per claim)** nằm trong dịch vụ cứu hộ trên đường. Trong số các chi phí mà ông Lee yêu cầu bồi hoàn, chỉ có **battery boost** không thuộc hạng mục dịch vụ cứu hộ trên đường, vậy đáp án đúng là (B) **The battery boost charge.**

DẠNG THỨC CÂU HỎI THEO TỪNG PHẦN

3. Bài đọc ba đoạn văn (Triple Passage)

Mới

Đề thi sẽ có ba bài đọc dạng ba đoạn văn với tổng cộng 15 câu hỏi. Các đoạn văn được đưa ra dưới hình thức một bức thư, thông báo, quảng cáo, bài báo,... có nội dung liên quan với nhau. Trong 5 câu hỏi, sẽ có 1-2 câu thuộc dạng câu hỏi liên kết, thí sinh sẽ phải tìm manh mối từ hai trong số ba đoạn văn để có thể lựa chọn được đáp án đúng.

Questions 153-154 refer to the following letter

ANNOUNCEMENT: All Customers

Justinian Art Supplies will close early this coming Tuesday on March 5. From 4 P.M. a special art show will take place until 9 P.M. featuring a local painter. Regular hours of 10 A.M. to 6 P.M.. will resume on Wednesday. For information on the upcoming show, and other events sponsored by Justinian Art Supplies, pick up a flyer at our service counter. Thank you for your cooperation.

An exhibit by local artist Sheena Ling was held on March 5 at Justinian Art Supplies. Ling's current painting collection features detailed portraits in classic styles. Prices for the works ranged from \$900 up through \$3,000, which is very reasonable for interested art investors or collectors. Several of Ling's best works have already been sold, but some are still available. All artwork will only be displayed at Justinian Art Supplies until the end of the month. Visit the shop's exhibit space today to see these amazing works while you still can.

JUSTINIAN ART SUPPLIES: Information for buyers:

1. Please pick up catalogs at the front desk. They include cost information.
2. Circle the codes of the item(s) listed in the catalog that you are interested in purchasing.
3. Return with your catalogs to our service counter. Once payment is made, a red dot will be displayed indicating an item is sold.
4. Purchases must be paid for in full for a red dot to be displayed. Checks, cash, and credit cards are accepted. Make checks payable to Justinian Art Supplies.
5. Purchases must be removed from the exhibit space by April 1.
6. All works of art are issued with official certificates of authenticity.

- 186 At what time did Ms. Ling's show begin on Tuesday?
- (A) At 10:00 A.M.
 - (B) At 4:00 P.M.
 - (C) At 6:00 P.M.
 - (D) At 9:00 P.M.

Giải thích

186. Câu hỏi 5W1H

Đây là câu hỏi về thời gian bắt đầu buổi triển lãm của bà Ling vào thứ Ba, ta cần tìm những thông tin về buổi triển lãm này trong bài báo. Câu **An exhibit by local artist Sheena Ling was held on March 5 at Justinian Art Supplies** trong đoạn thứ hai cho biết buổi triển lãm của bà Ling được tổ chức tại Justinian Art Supplies vào ngày 5 tháng Ba. Vì chưa đủ manh mối để chọn ra đáp án đúng, ta cần tìm thêm manh mối trong đoạn văn thứ nhất. Đây cũng chính là đoạn có khả năng cho ta biết thêm thông tin về Justinian Art Supplies. Từ câu **Justinian Art Supplies will close early this coming Tuesday on March 5 và From 4 P.M., a special art show will take place**, ta có có được manh mối thứ hai, đó là Justinian Art Supplies sẽ đóng cửa sớm vào thứ Ba ngày 5 tháng Ba và một triển lãm nghệ thuật đặc biệt sẽ được tổ chức từ lúc 4 giờ chiều. Tổng hợp hai manh mối trên, ta có thể biết rằng triển lãm của bà Ling được bắt đầu vào lúc 4 giờ chiều ngày thứ Ba. Vậy đáp án đúng là (B) At 4:00 P.M.

KẾ HOẠCH HỌC TẬP THEO TRÌNH ĐỘ

BÀI KIỂM TRA TRÌNH ĐỘ

Hãy làm bài kiểm tra trình độ dưới đây, căn cứ vào số câu mà bạn trả lời đúng để xác định kế hoạch học tập phù hợp và hiệu quả cho mình.

[1-4] Chọn từ trong ngoặc sao cho câu đúng ngữ pháp.

1. ((a) Eating, (b) Eat) regularly is the easiest way to stay healthy.
2. The company guarantees ((a) deliver, (b) delivery) in five to seven days.
3. The company ((a) encourages, (b) to encourage) staff to attend a seminar on time management.
4. The venue has been changed ((a) because of, (b) since) a problem with the air conditioning.

[5-8] Chọn True nếu từ được gạch chân đúng ngữ pháp và chọn False nếu từ đó bị sai.

5. A number of proposals was rejected due to lack of details. (True / False)
6. Many people make decisions based on their emotions. (True / False)
7. All employees are cooperate with the new policy. (True / False)
8. Karen decided to quit her job about she had received a pay raise soon. (True / False)

[9-14] Lựa chọn nghĩa đúng của từ vựng được gạch chân.

9. his main concern (a) thắc mắc (b) mối quan tâm
10. the overall effectiveness (a) tổng thể (b) lạc quan
11. confidence in the product (a) sự xác định (b) sự tin tưởng
12. commence the event (a) tổ chức (b) bắt đầu
13. complimentary beverage (a) miễn phí (b) được chứng nhận
14. reach a compromise (a) sự thỏa hiệp (b) sự uy hiếp

[15-18] Đây là bản dịch đúng của câu tiếng Anh phía trên?

15. Jane looks lovely in that dress.
(A) Jane trông thật đáng yêu trong chiếc váy đó.
(B) Jane nhìn chiếc váy đó một cách đáng yêu.
16. She will charge \$100 for editing the paper.
(A) Cô ấy sẽ trả 100 đô-la cho việc biên tập tài liệu.
(B) Cô ấy sẽ biên tập tài liệu với giá 100 đô-la.
17. I learned about the job through David.
(A) Tôi đã nghe về công việc đó thông qua David.
(B) Tôi đã học được công việc đó qua David.
18. The guest found our hotel convenient.
(A) Vị khách đó đã tìm thấy khách sạn của chúng tôi một cách dễ dàng.
(B) Vị khách đó thấy khách sạn của chúng tôi rất tiện nghi.

[19-20] Đọc đoạn văn sau và lựa chọn đáp án đúng cho từng câu hỏi.

While you were out, Mr. O'Connor called to request an urgent meeting with the sales staff. He needs to discuss an important client proposal. Please ask the members of your team to assemble in the conference room next to my office at 1 P.M. today.

Thank you.

19. Mục đích của đoạn văn này là gì?
(A) Để đưa ra đề xuất với một khách hàng quan trọng
(B) Để thông báo về một cuộc họp khẩn cấp
20. Cuộc họp sẽ được tổ chức ở đâu?
(A) Trong phòng tổ chức yến tiệc của khách sạn
(B) Trong phòng họp của công ty

Số câu trả lời đúng: _____ câu
(Đáp án ở trang 24)

❖ Trả lời đúng từ 16 đến 20 câu

KẾ HOẠCH HỌC TẬP TRONG 4 TUẦN | KẾ HOẠCH HỌC TẬP CƠ BẢN

Hãy học song song các kiến thức về Grammar, Vocabulary, Reading theo Kế hoạch học tập cơ bản đều đặn mỗi ngày trong vòng 4 tuần.

		Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6
Kế hoạch học tập cơ bản	Week 1	Kiến thức cơ bản Day 1 Week 1 ☐	Day 2 Week 1 ☐	Day 3 Week 1 ☐	Day 4 Week 1 ☐	Day 5 Week 1 ☐	Ngày ôn tập ☐
	Week 2	Day 1 Week 2 ☐	Day 2 Week 2 ☐	Day 3 Week 2 ☐	Day 4 Week 2 ☐	Day 5 Week 2 ☐	Ngày ôn tập ☐
	Week 3	Day 1 Week 3 ☐	Day 2 Week 3 ☐	Day 3 Week 3 ☐	Day 4 Week 3 ☐	Day 5 Week 3 ☐	Ngày ôn tập ☐
	Week 4	Day 1 Week 4 ☐	Day 2 Week 4 ☐	Day 3 Week 4 ☐	Day 4 Week 4 ☐	Day 5 Week 4 ☐	Bài thi thử theo định dạng mới ☐

Day 3 Week 2

H a c k e r s T O E I C S t a r t R e a d i n g



Grammar Part 5, 6

[Từ loại] Động từ

01 Dạng thức của động từ

02 Nội động từ và ngoại động từ



Vocabulary Part 5, 6

Động từ (3)



Reading Part 7

Câu hỏi tìm từ đồng nghĩa



Ngữ pháp cơ bản

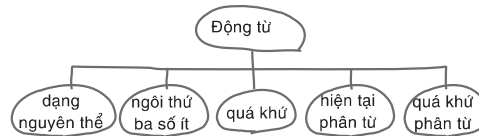
Thế nào là dạng thức của động từ?

eat - ate - eaten - eating
ăn đã ăn đang ăn

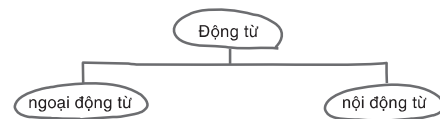


Dạng nguyên thể của động từ **eat** (ăn) có thể thay đổi hình thức và xuất hiện dưới dạng như **ate** (đã ăn), **eaten** và **eating** (đang ăn). Một động từ có năm dạng thức.

Động từ có 5 dạng thức nào?



Có những loại động từ nào?



5 dạng thức của động từ được thể hiện như thế nào?

Bất kỳ động từ nào cũng có 5 dạng: dạng nguyên thể, ngôi thứ ba số ít, quá khứ, hiện tại phân từ và quá khứ phân từ.

Dạng nguyên thể	Là hình thức cơ bản của động từ	turn
Ngôi thứ ba số ít	Thêm s vào sau động từ nguyên thể. *Các trường hợp đặc biệt: - Thêm es vào sau các từ kết thúc bằng đuôi -ch,-s,-sh,-x . - Với những từ kết thúc bằng y mà trước y là phụ âm, ta chuyển y thành i rồi thêm es .	make → makes catch → catches satisfy → satisfies
Quá khứ & quá khứ phân từ	có quy tắc Thêm ed vào sau động từ nguyên thể. *Các trường hợp đặc biệt: Với những động từ kết thúc bằng e , ta chỉ thêm d . Với những từ kết thúc bằng y mà trước y là phụ âm, ta chuyển y thành i rồi thêm ed . Với những từ kết thúc bằng một nguyên âm đơn và một phụ âm, ta gấp đôi phụ âm đó rồi thêm ed .	pull → pulled change → changed try → tried plan → planned
	bất quy tắc Với dạng bất quy tắc, động từ được biến đổi hoàn toàn khác.	see - saw - seen *Xem bảng động từ bất quy tắc tr. 390
Hiện tại phân từ	Thêm ing vào sau động từ nguyên thể. *Các trường hợp đặc biệt: Với từ kết thúc bằng e , ta bỏ e và thêm ing . Với từ kết thúc bằng ie , ta đổi ie thành y rồi thêm ing . Với từ kết thúc bằng một nguyên âm đơn và một phụ âm, ta gấp đôi phụ âm đó rồi thêm ing .	check → checking move → moving lie → lying stop → stopping

* Các dạng thức của động từ be: **be - is** (nếu chủ ngữ là **I** thì động từ là **am**, nếu chủ ngữ là **you** thì động từ là **are**) - **was/were - being - been**.



I order a pizza. / I ordered a pizza.
(Tôi đặt một chiếc pizza. / Tôi đã đặt một chiếc pizza.)

Động từ **order** (đặt hàng) sẽ mang nghĩa chỉ hành động trong quá khứ nếu ta đổi dạng thức của nó thành **ordered** (đã đặt hàng).



Dạng động từ nguyên thể

Động từ đứng sau trợ động từ hoặc sau chủ ngữ là **I, you, we, they** ở thì hiện tại sẽ có dạng nguyên thể.

Jane / should (copies, copy) / the report. Jane / nên sao chép / bản báo cáo.
ngôi thứ ba số nguyên thể (o)
ít (x)

I / (speaking, speak) / English / well. Tôi / nói / tốt tiếng Anh.
hiện tại tiếp diễn nguyên thể (o)
(x)



Dạng động từ chia theo ngôi thứ ba số ít

Khi đứng sau chủ ngữ là ngôi thứ ba số ít (**he, she, it**), dạng thức của động từ phải được chia theo ngôi thứ ba số ít.

He / (expect, expects) / a growth / in sales.
nguyên thể (x) ngôi thứ ba số ít (o)

Anh ấy / kỳ vọng / sự tăng trưởng / về doanh thu.



Dạng động từ ở thì quá khứ

Khi động từ diễn tả hành động trong quá khứ, nó sẽ được chia theo thì quá khứ, bất kể chủ ngữ đứng trước là gì.

Todd / (receives, received) / a prize / last week.
ngôi thứ ba quá khứ (o)
số ít (x)

Todd / đã nhận được / một giải thưởng / vào tuần trước.



Dạng động từ ở thì quá khứ phân từ và hiện tại phân từ

Động từ đứng sau động từ **be** sẽ được chia ở dạng hiện tại phân từ hoặc quá khứ phân từ, động từ đứng sau trợ động từ **have** phải được chia ở dạng quá khứ phân từ.

She / is (read, reading) / a book. Cô ấy / đang đọc / một quyển sách.
nguyên thể hiện tại phân từ
(x) (o)

The broken printer / was (fix, fixed). Chiếc máy in bị hỏng / đã được sửa.
nguyên thể quá khứ phân từ
(x) (o)

We / have (buy, bought) / a new car. Chúng tôi / đã mua / một chiếc ô tô mới.
nguyên thể (x) quá khứ phân từ (o)

Practice**Chọn từ đúng trong ngoặc để hoàn thành các câu sau.**

- 01 We should (paid, pay) this bill by next week.
- 02 We have (provide, provided) financial services since 2000.
- 03 The senior accountant is (ask, asking) for a higher salary.
- 04 It was (announced, announce) today that the CEO has resigned.
- 05 No one can (predict, prediction) the stock market.
- 06 Our company will (attend, attendant) the National Business Convention.

Actual Questions**Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống.**

- 07 The employee cafeteria _____ excellent meals at reasonable prices.
(A) serve (B) serves (C) serving (D) server
- 08 Visitors to the Web site must _____ their username and password to download documents.
(A) entering (B) entered (C) enters (D) enter
- 09 New equipment was _____ to improve the quality of the company's products.
(A) use (B) uses (C) used (D) to use
- 10 Several newspapers have _____ the company's decision to build a factory abroad in order to reduce costs.
(A) criticize (B) criticized (C) critical (D) criticizing

Day 1 Week 2

Day 2 Week 2

Day 3 Week 2

Day 4 Week 2

Day 5 Week 2

Hackers TOEIC Start Reading

VOCABULARY

Đáp án tr. 396 Dịch nghĩa/ giải thích tr. 458

- 02 financial: thuộc về tài chính 03 accountant: kế toán viên 04 resign: từ chức
05 stock market: thị trường chứng khoán
07 cafeteria: nhà ăn reasonable: thỏa đáng, hợp lý 09 improve: cải thiện quality: chất lượng
10 decision: quyết định abroad: nước ngoài in order to: để reduce: giảm cost: chi phí

H a c k e r s T O E I C S t a r t R e a d i n g

Đáp án và giải thích



- 01 The labor strike / has been in effect / for two days. Cuộc đình công của công nhân / đang diễn ra / hai ngày nay.
đang diễn ra
- 02 Please describe / the problem / in detail. Làm ơn hãy giải thích / vấn đề này / thật chi tiết.
- 03 All staff / must carry / their ID cards / at all times. Tất cả nhân viên / đều phải mang theo / thẻ căn cước / mọi lúc.
mọi lúc
- 04 Aside from / a minor error / on the first page, / the report / is ready / for publication.
ngoại trừ
Ngoại trừ / một lỗi nhỏ / ở trang đầu tiên, / bản báo cáo / đã sẵn sàng / để công bố.

- 05 Despite the bad weather, / the plane / landed / on schedule.
đúng lịch trình
Mặc dù thời tiết xấu / máy bay / đã hạ cánh / theo đúng lịch trình.

Đáp án (B) schedule (lịch trình) kết hợp với "on" tạo thành cụm từ có nghĩa là "theo lịch trình", phù hợp với mạch văn của câu. Các phương án (A) appointment (sự hẹn gặp), (C) condition (điều kiện) và (D) request (yêu cầu) đều không phù hợp với mạch văn của câu.

- 06 The candidate / did not get / the job / as a result of / his inexperience.
as a result of: vì-, do-
Ứng viên / đã không nhận được / việc / vì / thiếu kinh nghiệm.

Đáp án (B) result (kết quả) kết hợp với "as a" và "of" tạo thành cụm từ có nghĩa là "bởi vì", phù hợp với mạch văn "Ứng viên ấy không nhận được việc ___ thiếu kinh nghiệm". Các đáp án (A) charge (trách nhiệm), (C) feedback (phản hồi) và (D) point (quan điểm) đều không phù hợp với mạch văn của câu.

- 07 Questions 07-09 refer to the following advertisement.
bài quảng cáo

- 09 The Shine Beach Hotel / is the place to stay / if you plan to take a vacation /
Khách sạn Shine Beach / chính là điểm nghỉ chân / nếu bạn dự định đi nghỉ /
in the sunny Bahamas! We offer / a continental breakfast /
tại Bahamas đầy nắng! Chúng tôi phục vụ / một bữa sáng kiểu lục địa /
to all our guests / at no **07** cost. Laundry, dry cleaning, and airport
cho tất cả các vị khách miễn phí / Giặt là, sấy khô và đưa đón tại sân bay
pickup / are provided / upon **08** request. Please consult our Web site /
được phục vụ / theo yêu cầu / Vui lòng tham khảo trang web của chúng tôi
for a full list of the services / we offer / in addition to information /
để xem danh sách đầy đủ các dịch vụ / chúng tôi cung cấp / bên cạnh thông tin
on room vacancies and prices. **09** It also lists / weekly special rates.
về tình trạng phòng trống và giá cả / Nó cũng liệt kê / các mức giá ưu đãi hằng tuần
To make a booking, / please fill out our online reservation form /
Để đặt phòng / vui lòng điền vào mẫu đơn đặt phòng trực tuyến
or call 555-3409.
hoặc gọi tới số 555-3409

Câu hỏi từ 07-09 đề cập đến quảng cáo sau.

Khách sạn Shine Beach chính là điểm nghỉ chân nếu bạn dự định đi nghỉ tại Bahamas đầy nắng! Chúng tôi phục vụ miễn phí bữa sáng kiểu lục địa cho tất cả khách hàng. Các dịch vụ giặt là, sấy khô quần áo và đưa đón tại sân bay cũng được cung cấp theo yêu cầu. Vui lòng tham khảo trang web của khách sạn để biết thêm chi tiết về tất cả các dịch vụ mà chúng tôi cung cấp bên cạnh thông tin về tình trạng phòng trống và giá cả. Trang web cũng liệt kê các mức giá ưu đãi hằng tuần. Để đặt phòng, vui lòng điền vào mẫu đơn đặt phòng trực tuyến hoặc liên lạc với chúng tôi theo số điện thoại 555-3409.

at no cost: miễn phí
upon request: theo yêu cầu

- 07 Đáp án (B) cost (phí) kết hợp với "at no" tạo thành cụm từ có nghĩa là "miễn phí", phù hợp với mạch văn "Phục vụ bữa sáng kiểu lục địa ___ cho tất cả khách hàng". Các phương án (A) delay (sự trì hoãn), (C) regard (sự kính trọng) và (D) allowance (sự cho phép) đều không phù hợp với mạch văn của câu.
- 08 Đáp án (C) request (yêu cầu) kết hợp với "upon" tạo thành cụm từ có nghĩa là "theo yêu cầu", phù hợp với mạch văn "các dịch vụ giặt là, sấy khô, đưa đón tại sân bay sẽ được cung cấp theo yêu cầu". Các đáp án (A) respect (sự tôn trọng), (B) removal (sự dời đi) và (D) requirement (sự đòi hỏi) đều không phù hợp với mạch văn của câu.
- 09 Đây là dạng câu hỏi yêu cầu chọn câu phù hợp để điền vào chỗ trống nên ta phải nắm bắt mạch văn quanh chỗ trống đó. Câu văn phía trước "Please consult our Website for a full list of the services we offer ~ vacancies and prices" có nghĩa là "Hãy truy cập trang web của khách sạn để biết thêm chi tiết về tất cả các dịch vụ mà chúng tôi cung cấp bên cạnh thông tin về tình trạng phòng trống và giá cả." Từ đó, ta có thể suy luận rằng câu cần điền vào chỗ trống là "Trang web cũng liệt kê các mức giá ưu đãi hằng tuần ưu đãi hằng tuần". Đáp án đúng là (C).





01 **Question 01 refers to the following advertisement.**

bài quảng cáo

Devlin Realty has a conveniently-located office / suitable for five people /

Devlin Realty có một văn phòng ở vị trí thuận tiện / phù hợp cho năm người

on the second floor of Merrimack Tower. It comes furnished with / a
nằm trên tầng hai của tòa Merrimack Tower / Nó được trang bị

telephone connection as well as high-speed Internet / and includes /
access

đường dây điện thoại cũng như Internet tốc độ cao / và bao gồm / việc tiếp cận

to the building's facilities. These include / meeting rooms, a fitness center,
các cơ sở vật chất của tòa nhà / Những cơ sở vật chất này bao gồm / phòng họp,
trung tâm thể dục

and a lounge. Contact Chris Albini at 555-2091 / to learn more.

và một phòng chờ / Hãy liên hệ với Chris Albini theo số 555-2091 / để biết thêm
thông tin

Câu hỏi 01 đề cập đến quảng cáo
sau.

Devlin Realty có một văn phòng ở
vị trí thuận tiện, phù hợp cho năm
người nằm trên tầng hai của tòa
Merrimack Tower. Nó được trang
bị đường dây điện thoại cũng như
Internet tốc độ cao và còn bao
gồm cả việc sử dụng các cơ sở
vật chất của tòa nhà như phòng
họp, trung tâm thể dục và phòng
chờ. Để biết thêm thông tin, hãy
liên hệ với Chris Albini theo số
điện thoại 555-2091.



Dạng câu hỏi yêu cầu chọn câu phù hợp

Đây là dạng câu hỏi yêu cầu chọn câu phù hợp để điền vào chỗ trống nên ta cần nắm bắt mạch văn quanh chỗ trống đó. Câu văn phía trước "It ~ includes access to the building's facilities" có nghĩa là "Nó được trang bị đường dây điện thoại cũng như Internet tốc độ cao và còn bao gồm cả việc sử dụng các cơ sở vật chất của tòa nhà". Vì vậy, ta có thể suy luận rằng cần điền vào chỗ trống có nội dung "... bao gồm phòng họp, trung tâm thể dục và phòng chờ". Vậy đáp án đúng là (A) These include meeting rooms, a fitness center, and a lounge.

(Dịch nghĩa đáp án – trang 580)

02 **Question 02 refers to the following information.**

thông tin

Those who enroll in / our statistics course / learn how to analyze data.

Những người ghi danh vào / khóa học thống kê của chúng tôi / sẽ được học cách
phân tích dữ liệu

Instruction is delivered / through practical exercises / and ends with a
Hướng dẫn được cung cấp / thông qua các bài tập thực tế / và kết thúc bằng một

final project. At this time, / students will use their skills / to examine
dự án cuối khóa / Trong thời gian này / học viên sẽ sử dụng các kỹ năng của
mình / để kiểm duyệt

information / assigned to them. This program is not designed / for
dữ liệu / được giao cho họ / Chương trình này không được thiết kế / dành cho

professional programmers. However, / some basic computing
các lập trình viên chuyên nghiệp / Tuy nhiên / một số kiến thức vi tính cơ bản

knowledge is required. Click here to sign up.

là cần thiết / Hãy nhấn vào đây để đăng ký

Câu hỏi 02 đề cập đến thông tin
sau.

Những người ghi danh vào khóa
học thống kê của chúng tôi sẽ
được học cách phân tích dữ liệu.
Hướng dẫn sẽ được cung cấp
thông qua các bài tập thực tế và
kết thúc bằng một dự án cuối
khóa. Trong thời gian này, học
viên sẽ sử dụng các kỹ năng của
mình để kiểm duyệt dữ liệu được
giao. Chương trình này không
được thiết kế dành cho những lập
trình viên chuyên nghiệp. Tuy
nhiên, bạn cũng cần có một số
kiến thức vi tính cơ bản là cần
thiết. Hãy nhấn vào đây để đăng
ký.



Dạng câu hỏi yêu cầu chọn câu phù hợp

Đây là dạng câu hỏi yêu cầu chọn câu phù hợp để điền vào chỗ trống nên ta cần nắm bắt mạch văn quanh chỗ trống đó. Câu phía trước "This program is not designed for professional programmers" có nghĩa là "Chương trình này không được thiết kế dành cho những lập trình viên chuyên nghiệp", vì vậy có thể suy luận rằng cần điền vào chỗ trống câu có nội dung "Tuy nhiên, bạn cũng cần có một số kiến thức vi tính cơ bản". Đáp án đúng là (B) However, some basic computing knowledge is required.

(Dịch nghĩa đáp án – trang 580)

Day 1 Week 1

Day 2 Week 1

Day 3 Week 1

Day 4 Week 1

Day 5 Week 1

Hackers TOEIC Start Reading

03 Question 03 refers to the following information.

No matter your skill level, / SMP College has a course for you.

Dù trình độ của bạn ở mức nào / Đại học SMP đều có khóa học dành cho bạn

Whether you hope to gain job qualifications / or progress in your current career, /

Dù bạn mong lấy được bằng cấp cho công việc / hay muốn thăng tiến trong sự nghiệp hiện tại /

we'll do our best / to accommodate your busy schedules.

chúng tôi đều sẽ cố gắng hết sức / đáp ứng được lịch trình bận rộn của bạn

Our courses are designed / to be convenient and flexible.

Các khóa học đều được thiết kế / thuận tiện và linh hoạt /

All of our programs / are available / at SMP College campuses /

Tất cả chương trình học của chúng tôi đều có / tại các cơ sở của Đại học SMP /

across the country, / and classes take place four times a day, /

trên toàn quốc / và các lớp có bốn khung giờ học mỗi ngày /

so you can choose / when you'd like to come.

vì vậy bạn có thể lựa chọn / thời gian học mình muốn.

Visit www.smpcollege.com and learn more.

Hãy ghé thăm www.smpcollege.com và tìm hiểu thêm.

Câu hỏi 03 đề cập đến thông tin sau.

Dù trình độ của bạn ở mức nào, Đại học SMP đều có khóa học dành cho bạn. Dù bạn mong lấy được bằng cấp cho công việc hay muốn thăng tiến trong sự nghiệp hiện tại, chúng tôi đều sẽ cố gắng hết sức để đáp ứng được lịch trình bận rộn của bạn. Các khóa học đều được thiết kế thuận tiện và linh hoạt. Tất cả chương trình học đều có tại các cơ sở của Đại học SMP trên toàn quốc. Các lớp có bốn khung giờ học mỗi ngày, vì vậy bạn có thể lựa chọn thời gian học mình muốn. Hãy ghé thăm trang web tại địa chỉ www.smpcollege.com và tìm hiểu thêm.



Dạng câu hỏi yêu cầu chọn câu phù hợp

Đây là dạng câu hỏi yêu cầu chọn câu phù hợp để điền vào chỗ trống nên ta cần nắm bắt mạch văn quanh chỗ trống đó. Câu văn phía sau “All of our programs are available at SMP College campuses across the country ~ like to come” có nghĩa là “Tất cả các chương trình học đều có tại các cơ sở của Đại học SMP trên toàn quốc. Các lớp có bốn khung giờ học mỗi ngày nên bạn có thể lựa chọn thời gian học mình muốn”. Vậy ta có thể suy luận rằng câu ở chỗ trống có nội dung là “Các khóa học của chúng tôi được thiết kế thuận tiện và linh hoạt”. Đáp án đúng là (C) Our courses are designed to be convenient and flexible.

(Dịch nghĩa đáp án – trang 580)

04 Question 04 refers to the following information.

The Levin Museum of Modern Art welcomes visitors to / its sculpture

Bảo tàng Nghệ thuật Hiện đại Levin chào mừng du khách đến với / vườn điêu khắc

garden. Guests are free to take pictures, relax on benches, and walk

Khách đến tham quan có thể tự do chụp ảnh, nghỉ ngơi trên ghế và đi dọc

along the marked paths. However, / certain behaviors are not acceptable.

theo những con đường được đánh dấu. Tuy nhiên / một số hành vi nhất định không được chấp nhận

These include touching the art, picking flowers, and smoking. Those

Những hành vi này bao gồm việc chạm vào các tác phẩm nghệ thuật, ngắt hoa và hút thuốc / Những ai

who arrive on bicycles / will be asked to leave them at the bike rack / by the

đi xe đạp đến / sẽ được yêu cầu để xe ở giá đỡ xe / ngoài cổng vào

entrance. Lockers are available to rent / in the main building of the museum /

Các tủ để đồ đều có sẵn để cho thuê / ở tòa nhà chính trong bảo tàng

for those wishing to store personal items.

cho những người muốn cất giữ các vật dụng cá nhân

Câu hỏi 04 đề cập đến thông tin sau.

Bảo tàng Nghệ thuật Hiện đại Levin chào mừng du khách đến với vườn điêu khắc. Khách đến tham quan có thể tự do chụp ảnh, nghỉ ngơi trên ghế và đi dọc theo những con đường được đánh dấu. Tuy nhiên, một số hành vi nhất định không được chấp nhận. Những hành vi này bao gồm việc chạm vào các tác phẩm nghệ thuật, ngắt hoa và hút thuốc. Khách tham quan đi xe đạp sẽ được yêu cầu để xe ở giá đỡ xe ngoài cổng. Các tủ chứa đồ đều có sẵn để cho thuê ở tòa nhà chính trong bảo tàng để phục vụ các khách hàng hàng muốn cất giữ vật dụng cá nhân.



Dạng câu hỏi yêu cầu chọn câu phù hợp

Đây là dạng câu hỏi yêu cầu chọn câu phù hợp để điền vào chỗ trống nên ta cần nắm bắt mạch văn quanh chỗ trống đó. Câu văn phía sau “These include touching the art, picking flowers, and smoking” có nghĩa là “Những hành động này bao gồm việc chạm vào tác phẩm nghệ thuật, ngắt hoa và hút thuốc”, từ đó ta có thể suy luận rằng câu cần điền vào chỗ trống là “Tuy nhiên, một số hành vi nhất định không được chấp nhận”. Vậy đáp án đúng là (B) However certain behaviors are not acceptable.

(Dịch nghĩa đáp án – trang 580)